

Bản án số: 15/2019/KDTM-PT

Ngày 18 - 9 - 2019

Về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa và kiện đòi tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thế Phương;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang

Bà Đỗ Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và kiện đòi tài sản”

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 28/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2019, Quyết định hoãn phiên số: 50/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 58/2019/QĐ-PT ngày 21 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH TM& SX T.

Nay là: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại nội thất H.

Địa chỉ: đường 13, phường L, quận 9, TP Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Hồ Thị Thanh T - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Việt A - Sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Tổ 19, phường N, quận L, thành phố Hà Nội.

- *Bị đơn*: Công ty TNHH TM-DV O.

Địa chỉ: QL1, ấp 5, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị O – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến M – sinh năm 1978.

Địa chỉ: 571 B, Phường 10, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Giáp Công K - sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Khu 1, thị trấn G, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Lê L- sinh năm: 1950.

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Lê Viết A - sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp L, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

4. Ông Hoàng Tấn H - sinh năm: 1954.

ĐKTT: Tổ 8, khu phố 3, phường T, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Chỗ ở hiện nay: Khu biệt thự T, phường L, Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Công ty TNHH Sản xuất Thương mại nội thất H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, và trong quá trình xét xử người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Tạ Thị Thu T trình bày:*

Ngày 01/12/2014, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 030263043, do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/6/2002), nay là Công ty TNHH Sản xuất Thương mại nội thất H (đăng thay đổi lần thứ 6: ngày 20 tháng 4 năm 2017) (gọi tắt là Công ty H), và Công ty TNHH TM-DV O (gọi tắt là Công ty O) thỏa thuận ký kết hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC, thực hiện việc mua bán, lắp đặt, hoàn chỉnh, chuyển giao dây chuyền máy móc sản xuất làm viên nén mùn cưa công suất 02 tấn/giờ. Công ty TNHH TM & DV O đã đặt cọc cho Công ty H số tiền 500.000.000đồng. Sau 45 ngày, kể từ ngày đặt cọc, Công ty H sẽ giao toàn bộ hệ thống dây chuyền máy móc làm viên nén mùn cưa cho Công ty O.

Ngày 17/12/2014, Công ty H và Công ty O đã chính thức ký kết Hợp đồng kinh tế số 05/THM-HĐ về việc tư vấn thiết kế thi công, cung cấp vật tư, thiết bị, chế tạo lắp đặt hoàn thiện, vận hành, hướng dẫn chuyển giao công nghệ, bảo hành với các hạng mục thiết bị vật tư gồm:

1. Máy băm gỗ công suất 5.000kg/giờ, đường kính gỗ băm 150mm cùng phụ kiện, giá: 180.000.000 đồng/cái;

2. Máy nghiền băm củi thành mùn cưa công suất 3.000kg/giờ và phụ kiện, giá 180.000 đồng/cái.

3. Hệ thống máy sấy mùn cưa 1900m x 14.000m đo độ ẩm 50-55% và phụ kiện, giá 810.000.000đồng/cái.

4. Máy ép viên nén công suất 1.000kg/giờ cùng phụ kiện, giá 700.000.000đồng/cái (số lượng 02 cái).

5. Hệ thống băng tải, làm mát, thành phẩm gồm:

- Băng tải cấp viên nén thành phẩm công suất 03 tấn/ giờ, giá 45.000.000đồng/ cái (số lượng 02 cái).

- Máy san đầu ra công suất 3 tấn/giờ và phụ kiện, giá 45.000.000đồng/cái.

- Hệ thống làm mát và phụ kiện, giá 30.000.000đồng/cái.

- Băng tải cấp viên phun cont công suất tải 15 tấn/giờ, giá 55.000.000đồng/ cái.

- Máy thổi viên nén công suất 15 tấn/giờ và phụ kiện, giá 70.000.000đồng/ cái.

Cộng chung số tiền là: 2.850.000.000đồng.

Thuế VAT 10% là 285.000.000đồng.

Tổng giá trị hợp đồng bao gồm VAT là 3.135.000.000đồng (Ba tỷ, một trăm ba mươi lăm triệu đồng).

Công ty O đặt cọc 50% ngay sau khi ký kết hợp đồng, thanh toán tiếp 30% sau khi Công ty H tập kết đầy đủ máy móc và lắp đặt, 15% còn lại sau khi đã vận hành chuyển giao công nghệ và 5% còn lại để bảo hành máy móc và thanh toán sau thời hạn 12 tháng khi hết thời hạn bảo hành.

Theo nội dung hợp đồng, sau khi bên B (Công ty H) hoàn tất việc lắp đặt, chạy thử nghiệm 7 ngày sau đó, trong vòng 3 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của bên B hoàn thành việc lắp đặt, bên A (Công ty O) cử đại diện đến nghiệm thu. Nếu sau 3 ngày mà bên A không ký xác nhận và cũng không đưa ra lý do hợp lý bằng văn bản thì xem như bên A mặc nhiên đã xác nhận Biên bản nghiệm thu (Điều 4, HĐKT số 05).

Sau khi hệ thống máy móc chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, không có việc tranh chấp hoặc khiếu nại gì, cụ thể trong thời gian sản

xuất kinh doanh, Công ty O đã có các phiếu cân xe xuất hàng viên nén, với 02 ngày 27-28/02/2015, chỉ với khách hàng là Công ty Đ, qua các phiếu cân xe đã xuất hàng 93.550kg viên nén.

Ngày 30/01/2015 Công ty H bàn giao hệ thống máy móc dây chuyền sản xuất viên nén đã lắp đặt hoàn chỉnh và chạy thử nghiệm, Công ty O đã thanh toán cho Công ty H tổng số tiền là 2.600.000.000đồng (Theo bảng liệt kê chứng từ ngày 30/06/2015) và còn nợ lại của Công ty H số tiền 535.000.000đồng cùng 01 xe nâng trị giá 140.000.000đồng.

Ngày 30/06/2016, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin rút một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về việc “*Kiện đòi tài sản*”. Nay Công ty H chỉ yêu cầu Công ty O trả cho Công ty H số tiền 535.000.000đồng; không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc trả lại chiếc xe nâng trị giá 140.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền trên và không đồng ý toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Theo đơn phản tố, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của Công ty TNHH TM-DV Oanh Khải do người đại diện trình bày:

Vào ngày 17/12/2014 Công ty H và Công ty O ký hợp đồng kinh tế số 05/THM-HĐ về mua bán hàng hóa là dây chuyền sản xuất viên nén gỗ, hai bên thỏa thuận tổng giá trị hợp đồng là 3.135.000.000 đồng (bao gồm 10% thuế Giá trị gia tăng (VAT)); chất lượng hàng hóa mới 100% theo tiêu chuẩn Châu Âu, xuất xứ Nhật Bản và Đài Loan; thời gian bảo hành là 12 tháng và theo từng loại thiết bị; phương thức thanh toán chia làm nhiều đợt bao gồm cả lần đặt cọc. Để tạo niềm tin cho Công ty O, trước khi lắp đặt hàng hóa là dây chuyền thiết bị sản xuất viên nén gỗ, Công ty H đã cung cấp cho Công ty O 02 bản thử nghiệm tiêu chuẩn của viên nén mùn cưa của Công ty S và Công ty V nhằm cam kết về chất lượng hàng hóa dây chuyền thiết bị để bán cho Công ty O.

Ngày 30/01/2015 Công ty H lắp đặt dây chuyền thiết bị sản xuất theo Hợp đồng mua bán và ký biên bản bàn giao cho Công ty O chạy thử nghiệm. Công ty O đã thanh toán cho Công ty H số tiền là 2.600.000.000 đồng (bao gồm cả số tiền đặt cọc). Ngày 27/02/2015 ông Hoàng Ngọc H (con trai ông Hoàng Tấn H) tiếp tục cung cấp thêm cho Công ty O bản thử nghiệm tiêu chuẩn của viên nén mùn cưa của Công ty S và Công ty I. Ngày 01/4/2015 Công ty H xuất hóa đơn Giá trị gia tăng đối với dây chuyền thiết bị sản xuất, viên nén gỗ trị giá 3.135.000.000 đồng (Ba tỷ một trăm ba mươi lăm triệu đồng), thể hiện chất lượng hàng hóa mới 100%.

Sau khi vận hành sản xuất một thời gian, máy liên tục gặp trục trặc, hư hỏng, Công ty H đã cử người đến sửa chữa, bảo hành nhiều lần nhưng không đáp ứng được chất lượng thành phẩm. Nghi ngờ chất lượng dây chuyền thiết bị máy móc không đúng như Công ty H cam kết, Công ty O tiến hành xác minh các bản thử nghiệm tiêu chuẩn của viên nén mùn cưa đã được Công ty H cung cấp và kết quả cho thấy đây là các giấy tờ giả mạo. Cũng trong thời gian này, Công ty O tiếp nhận thông tin từ ông Nguyễn Tấn L - Công ty TNHH MTV TM - DV Cơ khí T, cho biết dây chuyền máy móc thiết bị mà Công ty H lắp đặt là máy cũ, do ông L đã gia công, sửa chữa cho Công ty H trước khi bán cho Công ty O.

Ngày 24/4/2015 Công ty O đã lập biên bản tạm ngưng sản xuất đồng thời liên hệ với ông Hoàng Tấn H (Công ty H) để thông tin sự việc yêu cầu khắc phục. Ngày 21/5/2015, Công ty O làm đơn tố cáo Công ty H đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tố cáo ông Hoàng Ngọc H đã có hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan Nhà nước gửi Công an tỉnh Đồng Nai, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Ngày 22/9/2016 Công ty O nộp đơn yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ, thẩm định giá tài sản và trưng cầu giám định đối với hàng hóa là dây chuyền máy móc sản xuất viên nén gỗ. Kết quả ghi nhận: toàn bộ máy móc dây chuyền thiết bị theo như biên bản bàn giao từ 30/01/2015 đã không hoạt động từ tháng 4/2015, đại diện Công ty H xác nhận còn giao thiếu cho Công ty O một số máy móc thiết bị thuộc dây chuyền sản xuất viên nén gỗ theo hợp đồng. Theo kết quả Chứng nhận giám định đề ngày 06/12/2016 do Công ty cổ phần Kiểm định công nghiệp Việt Nam thực hiện, kết luận: *“dây chuyền sản xuất viên củi nén được lắp ráp trong nước. Các hạng mục thiết bị lắp ráp dây chuyền không đồng bộ. Nhiều chi tiết cũ, không xác định được nguồn gốc, xuất xứ và đã được sửa chữa trước khi lắp ráp. Không đủ điều kiện an toàn để vận hành sản xuất. Chất lượng còn lại ước tính dưới 50%”*; và Chứng thư thẩm định giá ngày 16/12/2016 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thuận Việt xác định kết quả thẩm định giá đối với dây chuyền thiết bị này có tổng giá trị tài sản là 971.000.000 đồng.

Ngày 20/9/2018 Công ty O nộp đơn phản tố, yêu cầu Tòa án: Buộc Công ty H phải trả lại cho Công ty O số tiền đã nhận là 2.600.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng thương mại, tính từ ngày 01/12/2014, lãi suất 1% tạm tính đến ngày 20/9/2018 tổng số tiền là 1.170.000.000 đồng; Buộc Công ty H trả

tiền thuê đất, nhà xưởng để đặt thiết bị máy móc mỗi tháng là 30.000.000đồng số tiền là 1.320.000.000đồng, trả tiền bảo vệ giữ máy móc mỗi tháng 6.000.000đồng tổng số tiền là 264.000.000đồng (kể từ ngày 20/01/2015 đến ngày 20/9/2018); Buộc Công ty H phải tự tháo dỡ và di chuyển toàn bộ thiết bị máy móc đã lắp đặt cho Công ty O. Công ty O không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 30/11/2018 Công ty O nộp đơn xin rút một phần phản tố, nay chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Tuyên hủy Hợp đồng kinh tế số 05/THM-HĐ ngày 17/12/2014 và buộc Công ty H phải trả cho Công ty O tổng số tiền là: 3.468.400.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng) bao gồm:

- Số tiền mà Công ty H đã nhận của Công ty TNHH TM & DV O là 2.600.000.000 đồng;

- Tiền lãi chậm trả theo lãi suất cho vay tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (theo thỏa thuận trong Hợp đồng kinh tế số 05/THM-HĐ thì lãi suất chậm trả là 150% lãi suất cho vay ngắn hạn của ngân hàng) đối với số tiền mà Công ty H đã nhận của Công ty O, tính từ ngày 01/4/2015 đến ngày 16/01/2019 (44 tháng 16 ngày) với lãi suất là 9%/năm (lãi suất cho vay ngắn hạn hiện nay 6%/năm x 150% = 9%/năm), tổng số tiền lãi chậm trả là 868.400.000 đồng (Tám trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm ngàn đồng).

2. Buộc Công ty H phải tự tháo dỡ và di chuyển toàn bộ thiết bị đã lắp đặt cho Công ty O ngay khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Công ty O không chịu trách nhiệm về mọi hư hỏng, mất mát xảy ra đối với dây chuyền thiết bị này kể từ khi có Bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

- Ông Giáp Công K trình bày: Ông K thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của đại diện bị đơn về hợp đồng thuê đất giữa ông và Công ty O. Trong vụ kiện này ông không yêu cầu độc lập hay tranh chấp gì.

- Ông Lê L trình bày: Ông L thống nhất với lời trình bày của bà Oanh về việc ông là người được Công ty O thuê để làm bảo vệ, mỗi tháng nhận lương là 6.000.000đồng. Trong vụ kiện này ông không yêu cầu độc lập, không yêu cầu tranh chấp và xin được xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông Lê Viết A trình bày: Ngày 30/01/2015, ông A đại diện Công ty O ký nhận biên bản bàn giao máy móc của Công ty H 01 dây chuyền máy móc, cụ thể: 01 máy băm củi, 01 máy nghiền, 01 hệ thống máy sấy mùn cưa củi băm, 02 máy ép viên, 02 băng tải và bàn sàng. Hiện nay ông không còn làm việc tại Công ty TNHH TM & DV O nữa. Trong vụ kiện này ông không yêu cầu tranh chấp, không yêu cầu độc lập và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- Ông Hoàng Tấn H trình bày: Theo biên bản bàn giao ngày 30/01/2015 giữa Công ty H do ông làm đại diện và Công ty TNHH TM & DV O do ông A đại diện, đã bàn giao đầy đủ hệ thống máy móc, ghi nhận hệ thống máy móc đã lắp ráp hoàn chỉnh trong thời gian chạy thử nghiệm theo đúng nội dung Hợp đồng kinh tế số 05. Sau khi bàn giao và hết thời gian chạy thử nghiệm, hệ thống máy móc dây chuyền đã đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh và ra mặt hàng sản phẩm, không thiếu bất kỳ máy móc nào trong hệ thống hoặc có sự khiếu nại về máy móc đưa vào sử dụng. Do vậy, biên bản bàn giao là hoàn toàn đầy đủ, chính xác được hai bên ký tên thừa nhận. Trong vụ kiện này ông không yêu cầu tranh chấp, không yêu cầu độc lập và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc đã áp dụng các Điều 26, 30, 35, 39, 217, 218, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 24, 34, 39, 49, 51, 312, 314 Luật Thương mại năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH SX Thương mại nội thất H (Công ty TNHH TM & SX T) đối với Công ty TNHH TM & DV O về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa và kiện đòi tài sản”.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH TM & DV O đối với Công ty TNHH SX Thương mại nội thất H về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, cụ thể:

- Hủy Hợp đồng kinh tế số 05/THM-HĐ ngày 17/12/2014 giữa Công ty TNHH SX Thương mại nội thất H và Công ty TNHH TM & DV O;

- Buộc Công ty TNHH SX Thương mại nội thất H phải trả cho Công ty TNHH TM - DV O tổng số tiền là 3.468.400.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm sáu tám triệu bốn trăm ngàn đồng) (trong đó tiền máy Công ty TNHH SX Thương mại

nội thất H đã nhận là 2.600.000.000 đồng, tiền lãi suất chậm trả là 868.400.000 đồng).

- Buộc Công ty TNHH SX Thương mại nội thất H phải tự tháo dỡ và di dời toàn bộ thiết bị máy móc đã lắp đặt cho Công ty TNHH TM - DV O gồm 01 máy bơm, 01 máy nghiền, 01 hệ thống máy sấy mùn cưa, 02 máy ép viên nén và 02 băng tải cấp thành phẩm, 01 máy sàng theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/10/2016 và chứng thư thẩm định giá số 170/2016/CT-TVCorp ngày 16/12/2016 của Công ty cổ phần thẩm định giá T.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH SX Thương mại nội thất H về việc tranh chấp kiện đòi tài sản (xe nâng) với Công ty TNHH TM & DV O (theo đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/6/2016).

4. Về các chi phí tố tụng:

Buộc Công ty TNHH SX Thương mại nội thất H hoàn trả lại cho Công ty TNHH TM & DV O số tiền 45.000.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu đồng*) tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, thẩm định tài sản và các chi phí tố tụng khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Kháng cáo:

Ngày 29/01/2019, Công ty TNHH SX Thương mại nội thất H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, với lý do án sơ thẩm vi phạm trình tự thủ tục tố tụng quy định, ngay từ đầu bị đơn đã bắt hợp tác, chỉ dựa vào lời khai của bị đơn phiên diện một chiều áp đặt gây thiệt hại đến quyền lợi đề nghị cấp phúc thẩm tuyên sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của Công ty TNHH TM & DV O.

Phản phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Tòa cấp phúc thẩm đã thực hiện việc thụ lý, phân công Thẩm phán làm chủ tọa giải quyết vụ án, đảm bảo quyền kháng cáo. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; đồng thời, thủ tục phiên tòa được thực hiện đầy đủ và đúng quy định.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng cáo: Nội dung phát biểu được thể hiện trong bài phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên được công khai tại phiên tòa. Tóm lại là qua các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và qua nội dung đã được làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm, cho thấy cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Nguyên đơn Công ty TNHH SX Thương mại nội thất H làm đơn kháng cáo và nộp trong thời hạn kháng cáo nên được xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn và đại diện bị đơn có mặt. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung liên quan đến yêu cầu kháng cáo:

Tòa án thụ lý vụ án ngày 22/6/2015 theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, tiến hành tố tụng: ngày 06/4/2016 ban hành thông báo hòa giải, ấn định ngày hòa giải 26/4/2016, bị đơn vắng mặt nên lập biên bản không tiến hành hòa giải được; ngày 27/4/2016 ban hành thông báo hòa giải, ấn định ngày hòa giải 17/5/2016, bị đơn vắng mặt nên lập biên bản không tiến hành hòa giải được; ngày 26/5/2016 lập biên bản lấy lời khai bị đơn, bị đơn xác định không tham gia phiên tòa vì xác định 01 vụ kiện không thể vừa Tòa vừa Công an giải quyết, yêu

cầu Tòa đình chỉ vụ án; ngày 08/6/2016 tiếp tục ban hành thông báo hòa giải, ấn định ngày hòa giải 27/6/2016, bị đơn vắng mặt nên lập biên bản không tiến hành hòa giải được; ngày 11/7/2016 ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ấn định ngày 01/8/2016, bị đơn vắng mặt nên lập biên bản không tiến hành hòa giải được; ngày 02/8/2016 ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ấn định ngày 19/8/2016 xét xử, bị đơn vắng mặt ban hành Quyết định hoãn phiên tòa ấn định ngày mở lại phiên tòa 15/9/2016, tại phiên tòa ngày 15/9/2016 bị đơn có yêu cầu trung cầu giám định, thẩm định giá và xem xét thẩm định tại chỗ, nên Hội đồng xét xử ban hành thông báo tạm ngừng phiên tòa để tiến hành trung cầu giám định, thẩm định giá và xem xét thẩm định tại chỗ; ngày 04/10/2016 ban hành Quyết định trung cầu giám định tài sản đang tranh chấp (yêu cầu Chi cục tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng tỉnh Đồng Nai) và ngày 21/10/2016 lập biên bản tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ; ngày 14/10/2016 ban hành Quyết định tạm đình chỉ chờ kết quả của cơ quan chuyên môn về trung cầu giám định và thẩm định giá; ngày 06/12/2016 ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, lý do tạm đình chỉ không còn.

Theo Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, đúng trình tự tố tụng thì phải ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng cấp sơ thẩm không thực hiện đúng trình tự này mà làm công văn ngày 26/12/2016 gửi đến Công an huyện Xuân Lộc chuyển các tài liệu, chứng cứ của bà Nguyễn Thị O cung cấp (người đại diện theo pháp luật của bị đơn) xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, đồng thời cùng ngày ban hành Quyết định tạm đình chỉ chờ kết quả trả lời của Công an huyện Xuân Lộc, ngày 28/12/2016 Công an Xuân Lộc đã có công văn không tiếp nhận hồ sơ vì vụ việc là tranh chấp hợp đồng kinh tế, nhưng Tòa án không tiếp tục giải quyết mà liên tục có các công văn gửi đến cơ quan Công an có nội dung như công văn ban đầu, đến ngày 06/4/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra có công văn gửi đến Tòa án huyện Xuân Lộc thông báo kết thúc việc giải quyết đơn tố cáo của bà O.

Ngày 02/5/2018 ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, lý do tạm đình chỉ không còn, như đã dẫn chứng trên nếu tiếp tục thì Tòa phải ban hành quyết định xét xử, không thể tiến hành bước tố tụng nào khác. Nhưng Tòa án lại có thông báo số: 169/TB-TA ngày 31/8/2018 thông báo về việc yêu cầu phản tố gửi cho bị đơn với nội dung “Tại buổi đối chất, phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/8/2018, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TM – DV O là bà Nguyễn Thị O trình bày bị đơn sẽ làm đơn yêu cầu phản tố.....trong hạn 15 ngày không làm đơn phản tố thì Tòa án sẽ giải quyết theo quy định”. Dựa vào thông báo này ngày 12/9/2018 bị đơn

có đơn yêu cầu phản tố, Tòa án chấp nhận cho nộp tạm ứng án phí và ban hành thông báo số: 196/TB-TA ngày 22/9/2018 thông báo về việc phản tố là vi phạm nghiêm trọng tố tụng được quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngoài ra, tiến trình tố tụng của cấp sơ thẩm còn có một số vi phạm sau: Ngày 16/10/2018 thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ấn định ngày 26/10/2018 công khai...nhưng ngày này vắng mặt nguyên đơn, không lập biên bản không tiến hành hòa giải được mà lập biên bản không tiến hành đối chất được (không có mời đối chất); Ngày 26/10/2018 thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ấn định ngày 09/11/2018 công khai..., lập biên bản công khai chứng cứ và đồng thời lập biên bản đối chất (không có mời đối chất).

Từ những dẫn chứng trên, cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, dựa trên vi phạm tố tụng này khi xét xử chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là chưa có cơ sở theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3] Về chi phí tố tụng, án phí:

Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với tài liệu chứng cứ và quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 của Bộ luật tố tụng Dân sự;
Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2019/KDTM-ST ngày 16 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án huyện Xuân Lộc giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Về chi phí tố tụng, án phí:

Về chi phí tố tụng và án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án. Hoàn trả cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại nội thất H 2.000.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp (Theo biên lai thu số 007106 ngày 20/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc).

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án huyện Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa kinh tế, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thế Phương

